

UBND XÃ QUẾ SƠN
TRƯỜNG MG QUẾ LONG

Số: 05/TBCK-MGQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quế Sơn, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV
NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	Nội dung	T số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	Kh á	TB
	Tổng số CBQL, GV và NV	1 6	8	2	3	3	0	9	1	0	10	0
I	Cán bộ Q.Lý	2	2	0	0	0	0	1	1	0	2	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0
2	P.Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
II	Giáo viên	8	5	2	0	0	0	8	0	0	8	0
1	Mẫu giáo Lớn	4	3	1	0	0	0	4	0	0	4	0
2	Mẫu giáo Nhỡ-Bé	4	3	1	0	0	0	4	0	0	4	0
III	Nhân viên	6	1	1	1	3	0	2	0	0	0	0
1	NV Kế toán	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0
2	NV Y tế	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
3	NV Nuôi dưỡng	2	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
4	NV bảo vệ	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0

Nơi nhận:

- Đăng trang Hồ sơ điện tử của trường;
- Hội CMHS;
- Bảng công khai niêm yết của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Chuyên

UBND XÃ QUẾ SƠN
TRƯỜNG MG QUẾ LONG

Số: 06/TBCK-MGQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quế Sơn, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	4	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	4	
1	Phòng học kiên cố	0	
2	Phòng học bán kiên cố	4	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1,695,8 m ²	14,7 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	600 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	476 m ²	5,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	260 m ²	2,9 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	48 m ²	0,6 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	56 m ²	0,64 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	72 m ²	0,8 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	40 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	4/4 (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang		

	được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	4	1 cái/ 1 lớp
2	Đèn chiếu		
3	Vi tính	4	

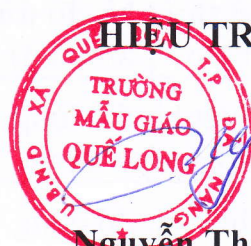
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1	0	4/4	0	0,04 m ² / trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Đăng trang Hồ sơ điện tử của trường;
- Hội CMHS;
- Bảng công khai niêm yết của trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Chuyên

Số: 07/TB-MGQL

Quế Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai các khoản thu từ phụ huynh năm học 2025-2026

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 583/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2025-2026; Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4 Công văn số 2186/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ theo sự thống nhất của Cha mẹ học sinh trong cuộc họp Hội nghị Cha mẹ học sinh đầu năm học 2025-2026 ngày 6/9/2025;

Thực hiện Công văn số 291/UBND-VX Quế Sơn, ngày tháng 9 năm 2025 về việc triển khai thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2025-2026, Công văn số 369/UBND-VX của Ủy ban nhân dân xã Quế Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2025 về việc phúc đáp tờ trình xin chủ trương thu các khoản thỏa thuận năm học 2025-2026.

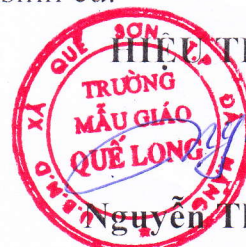
I. THU HỘ: Học phí cho trẻ làm quen tiếng Anh: 60.000 đồng/trẻ/tháng (Phụ huynh tự nguyện đăng ký cho trẻ học).

III. THU THỎA THUẬN:

- Tiền ăn/ngày (tiền thực phẩm+gia vị, không tính chất đốt): 17.000 đồng/trẻ/ngày.
- Tiền gạo/ngày: Trẻ MG Lớn: 1.5 lạng/ngày
Trẻ MG Nhỡ: 1.4 lạng/ngày
Trẻ MG Bé: 1.3 lạng/ngày
- Tiền phục vụ bán trú (chỉ lương nhân viên nấu ăn, bồi dưỡng CBQL, GV, KT kiêm nhiệm)
190.000 đồng/trẻ MG Lớn/tháng;
200.000 đồng/trẻ MG Nhỡ/tháng;
200.000 đồng/trẻ MG Bé/tháng.
- Tiền phụ phí (trong đó chi: tiền điện sinh hoạt, điện nấu ăn 4 tháng; gas; đồ dùng vệ sinh hàng ngày...): 58.000 đồng/trẻ/tháng.
- Tiền mua sắm đồ dùng phục vụ bán trú đầu năm học:
200.000 đồng/năm/học sinh mới;
190.000 đồng/năm/ học sinh cũ.

Nơi nhận:

- Đăng trang Hồ sơ điện tử của trường;
- Hội CMHS; Bảng công khai niêm yết của trường;
- Lưu: VT.



HIEP TRƯỜNG

TRƯỜNG
MẪU GIÁO
QUẾ LONG

Nguyễn Thị Chuyên

THÔNG BÁO

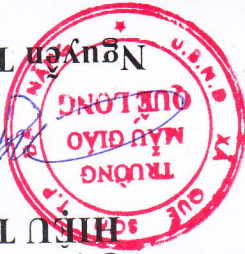
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ					Mẫu giáo	
			Tổng số trẻ em	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	98					16	31	51
1	Số trẻ em nhóm ghép	0					0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0					0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	98					16	31	51
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0					0	0	1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	98					0	31	51
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	98					0	31	51
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	98					0	31	51
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	98					0	31	51
1	Số trẻ cân nặng bình thường	96					16	31	49
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0					0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0					0	0	0
4	Số trẻ thừa cân, béo phì	2					0	0	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	98					0	31	51
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ								
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	98					16	31	51

Quê Sơn, ngày 30 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Chuyên



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của Trường MG Quế Long
Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chất lượng
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- kĩ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

	và một số khái niệm sơ đẳng về toán. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Quế Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Chuyên